

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ B
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2023/HS-ST
Ngày 12-5-2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH B**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Thanh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Ngọc Hạnh

Ông Lương Thanh Nhân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B tham gia phiên tòa:***
Ông Nguyễn Văn Vui – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 76/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Trần Đ**, sinh năm 1980 tại tỉnh H; địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp K, xã A, thị xã B, B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn M, sinh năm 1952 và bà Bùi Thị Đ2, sinh năm không rõ; có 03 anh em, lớn nhất sinh là bị cáo, nhỏ nhất không rõ năm sinh; có vợ tên Bùi Thị Th, sinh năm 1981 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 06/9/2022 đến ngày 16/9/2022, được tại ngoại để điều tra; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Hồ Sỹ T**, sinh năm 1980 tại tỉnh H; địa chỉ thường trú: Số 116/26A đường D, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B; chỗ ở hiện nay: Ấp K, xã A, thị xã B, B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Hồ Sỹ Th, sinh năm 1955 và bà Cù Thị H, sinh năm 1956; có 03 anh em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1985; có vợ tên Trương Thị H, sinh năm 1985 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 06/9/2022 đến ngày 16/9/2022, được tại ngoại để điều tra; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. **Mai Trọng Đ1**, sinh năm 1983 tại tỉnh H; địa chỉ thường trú: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh H; chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã An Đ, thị xã B, B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Mai Đ, sinh năm 1957 và bà Trần Thị T (đã chết); có 04 chị em, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1990; có vợ tên Bùi Thị H, sinh năm 1986 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 06/9/2022 đến ngày 16/9/2022, được tại ngoại để điều tra; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. **Bùi Văn T1**, sinh năm 1984 tại tỉnh H; địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã A, thị xã B, B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Bùi Văn Ng, sinh năm 1950 (đã chết) và bà Trần Thị Đ, sinh năm 1948; có 03 anh em, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1990; có vợ tên Phạm Thị L, sinh năm 1985 và 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 06/9/2022 đến ngày 16/9/2022, được tại ngoại để điều tra; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Đ, Mai Trọng Đ1, Bùi Văn T1 và Hồ Sỹ T là bạn bè cùng quê H, hiện cùng cư trú tại xã A, thị xã B, tỉnh B.

Khoảng 15 giờ ngày 06/9/2022, Trần Đ gọi điện thoại rủ Bùi Văn T1, Hồ Sỹ T và Mai Trọng Đ1 đến uống rượu tại nhà của Đ tại ấp K, xã A, thị xã B, tỉnh B. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày 06/9/2022, Đ, Đ1, T1 và T cùng rủ nhau chơi bài liêng thắng thua bằng tiền với cách thức như sau: Người tham gia chơi bài thì đặt 20.000 đồng tiền xác. Sau đó, người làm cái chia đều cho mỗi người 03 lá bài, người làm cái tổ trước, tổ ít nhất là 40.000 đồng, tổ nhiều nhất là 250.000 đồng, ai không theo tổ thì úp bài, người cược cuối cùng là người thắng. Nếu còn hai người cược thì mở bài ra so điểm ai có điểm lớn hơn là thắng. Cách tính điểm lớn nhất là sấp (Ba lá bài giống nhau 3, 3, 3), nhỏ hơn là ba tây (Ba lá bài J, Q, K), cuối cùng tính điểm lớn nhất là 09 điểm, nhỏ nhất là 0 điểm. Người nào thắng thì làm cái.

Khoảng 19 giờ phút cùng ngày, ông Đặng V đi ngang qua nhà Đ, thấy ở sân trước thềm nhà có đánh bài thì vào xem. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày 06/9/2022, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, Đội Cảnh sát Hình sự Công an thị xã B phối hợp Công an xã Adền kiểm tra phát hiện Đ, T, Đ1 và T1 đang đánh bài thắng thua bằng tiền nên bắt giữ quả tang cùng tang vật gồm: Số tiền 5.820.000 đồng (năm triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng) trên chiếu bạc; số tiền 10.500.000 đồng trên người Bùi Văn T1; 01 (một) bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc chiếu kích thước 1,8m x 1,8m; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A02S màu đen của Bùi Văn T1; 01 điện thoại di

động hiệu OPPO màu đen của Mai Trọng Đ1; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh của Trần Đ.

Quá trình điều tra, Trần Đ, Mai Trọng Đ1, Bùi Văn T1 và Hồ Sỹ T khai nhận như sau:

- Trần Đ khai: Đ mang theo số tiền 900.000 đồng và sử dụng hết để đánh bạc. Trong lúc chơi, Đ thắng được 2.000.000 đồng và cho Đ1 mượn 2.000.000 đồng để đánh bạc. Sau đó, Đ1 trả lại cho Đ số tiền 1.000.000 đồng. Khi bị phát hiện, Đ bị thu giữ số tiền 1.900.000 đồng trên chiếu bạc.

- Hồ Sỹ T khai: T mang theo số tiền 1.600.000 đồng và sử dụng hết để đánh bạc. T thắng được 800.000 đồng. Khi bị phát hiện, T cầm 300.000 đồng bỏ chạy vào phía trong nhà của Đ cách khoảng 20m thì bị lực lượng Công an bắt giữ cùng số tiền 300.000 đồng.

- Mai Trọng Đ1 khai: Đ1 mang theo số tiền 1.180.000 đồng và sử dụng hết để đánh bạc. Trong lúc chơi, Đ1 thua hết tiền và có mượn 2.000.000 đồng của Đ để tiếp tục đánh bạc. Sau đó, Đ1 trả lại cho Đ số tiền 1.000.000 đồng. Khi bị phát hiện, Đ1 cầm 1.600.000 đồng chạy vào phía trong nhà của Đ thì bị bắt giữ cùng số tiền 1.600.000 đồng.

- Bùi Văn T1 khai: T1 mang theo 11.000.000 đồng nhưng chỉ lấy ra 1.000.000 đồng để đánh bạc. Khi bị phát hiện, T1 thua hết 500.000 đồng và bị thu giữ trên người số tiền 10.500.000 đồng (trong đó số tiền dùng để đánh bạc là 500.000 đồng).

Như vậy, tổng số tiền dùng để đánh bạc là 6.320.000 đồng, trong đó: Thu giữ trên chiếu bạc là 3.920.000 đồng, thu giữ tại vị trí của Hồ Sỹ T bị bắt là 300.000 đồng, tại vị trí Mai Trọng Đ1 bị bắt giữ là 1.600.000 đồng và thu giữ trên người của Bùi Văn T1 dùng để đánh bạc là 500.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 53/CT-VKSBC ngày 16/02/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B truy tố các bị cáo Trần Đ, Mai Trọng Đ1, Bùi Văn T1 và Hồ Sỹ T về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Ngày 31/3/2023 Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 03/2023/HSST-QĐ với lý do: Có căn cứ cho rằng việc khởi tố, điều tra, truy tố vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thu thập tài liệu chứng cứ chưa đầy đủ theo quy định Bộ luật Tố tụng hình sự.

Ngày 18/4/2023, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B có Công văn số 47/CV-VKS-BC giữ nguyên quan điểm truy tố đối với vụ án.

Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Trần Đ, Mai Trọng Đ1, Bùi Văn T1 và Hồ Sỹ T về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Xử phạt các bị cáo Trần Đ, Mai Trọng Đ1, Bùi Văn T1 và Hồ Sỹ T, mỗi bị cáo số tiền 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Số tiền 6.320.000 đồng (sáu triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

+ Tạm giữ để đảm bảo thi hành án số tiền: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) của bị cáo Bùi Văn T1.

+ Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng và 01 (một) chiếc chiếu kích thước 1,8m x 1,8m.

+ Trả 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A02S màu đen (bị nứt vỡ màn hình, không kiểm tra được Model, số IMEI, tại thời điểm giao nhận máy không hoạt động được) cho bị cáo Bùi Văn T1; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu đen (không kiểm tra được Model, số IMEI, tại thời điểm giao nhận máy không hoạt động được) cho bị cáo Mai Trọng Đ1; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh (không kiểm tra được Model, số IMEI, tại thời điểm giao nhận máy không hoạt động được) cho bị cáo Trần Đ.

Các bị cáo Trần Đ, Mai Trọng Đ1, Bùi Văn T1 và Hồ Sỹ T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Trong quá điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B và nội dung bản Cáo trạng số 53/CT-VKS-BC ngày 16/02/2023.

Tại phiên tòa, các bị cáo không đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận gì để đối đáp với Kiểm sát viên về nội dung luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thị xã B, tỉnh B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định

tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều tra, tố tụng theo pháp luật.

[2] Những chứng cứ xác định có tội:

Các bị cáo Trần Đ, Mai Trọng Đ1, Bùi Văn T1 và Hồ Sỹ T đã thành khẩn khai nhận hành vi đánh bạc như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ thu giữ trong vụ án, biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng. Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Từ khoảng 17 giờ đến 19 giờ 30 phút ngày 06/9/2022, tại nhà của bị cáo Trần Đ thuộc ấp K, xã A, thị xã B, B, Trần Đ, Mai Trọng Đ1, Bùi Văn T1 và Hồ Sỹ T có hành vi cùng nhau tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức chơi bài liêng, với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 6.320.000 đồng (sáu triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Do đó, hành vi mà các bị cáo Trần Đ, Mai Trọng Đ1, Bùi Văn T1 và Hồ Sỹ T thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng, tác động xấu đến nếp sống văn minh trong xã hội. Về nhận thức, các bị cáo biết rõ pháp luật nước ta nghiêm cấm mọi hoạt động đánh bạc, tổ chức đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội dưới hình thức lờ mờ cố ý, nhằm thu lợi bất chính. Do vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Đ, Mai Trọng Đ1, Bùi Văn T1 và Hồ Sỹ T không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khung hình phạt nên chỉ bị xét xử ở khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần Đ, Mai Trọng Đ1, Bùi Văn T1 và Hồ Sỹ T phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Trần Đ, Mai Trọng Đ1, Bùi Văn T1 và Hồ Sỹ T đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, các bị cáo Trần Đ, Mai Trọng Đ1, Bùi Văn T1 và Hồ Sỹ T được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra bị cáo Hồ Sỹ T có ông cố nội là liệt sỹ nên bị cáo T còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét tính chất và mức độ phạm tội: Các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, cùng rủ rập nhau và cùng tích cực thực hiện hành vi đánh bạc.

Đối chiếu với những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này các bị cáo luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú. Tại phiên tòa, các bị cáo đều tỏ ra ăn năn, hối cải, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt phạt tiền đối với các bị cáo vẫn có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật mà cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy hình phạt tiền mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 6.320.000 đồng, trong đó: thu giữ trên chiếu bạc là 5.820.000 đồng và thu giữ trên người của Bùi Văn T1 dùng để đánh bạc là 500.000 đồng: Đây là số tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội và thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên căn cứ theo điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 (một) bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng và 01 (một) chiếc chiếu kích thước 1,8m x 1,8m. Đây là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nhưng không có giá trị sử dụng. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần phải tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A02S màu đen của Bùi Văn T1; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đen của Mai Trọng Đ1 và 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh của Trần Đ: Căn cứ theo lời khai của các bị cáo T1, Đ1 và Đ xác định các điện thoại này không liên quan đến việc đánh bạc của các bị cáo. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

[5] Ngày 31/3/2023, tại phiên tòa Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 03/2023/HSST-QĐ vì có căn cứ cho rằng việc khởi tố, điều tra, truy tố vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thu thập tài liệu chứng cứ chưa đầy đủ theo quy định Bộ luật Tố tụng hình sự. Ngày

18/4/2023, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B có Công văn số 48/CV-VKS-BC, theo đó đã xác định được số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 3.920.000 đồng, thu giữ tại vị trí của bị cáo Hồ Sỹ T bị bắt là 300.000 đồng, thu giữ tại vị trí bị cáo Mai Trọng Đ1 bị bắt giữ là 1.600.000 đồng và thu giữ trên người của bị cáo Bùi Văn T1 dùng để đánh bạc là 500.000 đồng. Tổng số tiền dùng để đánh bạc của các bị cáo là 6.320.000 đồng. Xét, thấy tổng số tiền các bị cáo khai mang theo sử dụng vào mục đích đánh bạc không trùng khớp với tổng số tiền thu giữ được. Tuy nhiên, tại phiên tòa, các bị cáo đều xác nhận tổng số tiền bị thu giữ tại chiếu bạc là 5.820.000 đồng, trong đó có bao gồm 1.600.000 đồng thu giữ của bị cáo Đ1 và 300.000 đồng thu giữ của bị cáo T và số tiền thu giữ trên người của bị cáo T1 là 500.000 đồng. Đối với việc không lập biên bản thu giữ số tiền 1.600.000 đồng của bị cáo Đ1 và 300.000 đồng của bị cáo T, không lập biên bản thu giữ, xác định số tiền tang trên chiếu bạc là bao nhiêu; bị cáo T1 bị thu giữ số tiền 10.500.000 đồng nhưng chỉ lập biên bản thu giữ số tiền 10.000.000 đồng là có sự vi phạm tố tụng. Tuy nhiên, các bị cáo Đ1 và T đều thừa nhận số tiền các bị cáo cầm theo bỏ chạy là có sử dụng vào mục đích đánh bạc; Viện Kiểm sát đã làm việc và xác định được số tiền tang trên chiếu bạc là 3.920.000 đồng. Đối với bị cáo T1 thì số tiền 500.000 đồng mặc dù không có lập biên bản thu giữ nhưng được ghi nhận trong biên bản bắt người phạm tội quả tang. Căn cứ khoản 2 Điều 174 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung nên vẫn tiếp tục giải quyết vụ án căn cứ theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Đ, Mai Trọng Đ1, Bùi Văn T1 và Hồ Sỹ T phạm tội: “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

2.1 Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Trần Đ, Mai Trọng Đ1 và Bùi Văn T1;

Xử phạt bị cáo Trần Đ số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Mai Trọng Đ1 số tiền 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T1 số tiền 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).

2.3 Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Hồ Sỹ T;

Xử phạt bị cáo Hồ Sỹ T số tiền 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, c khoản 2 Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Số tiền 6.320.000 đồng (sáu triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án số tiền: 10.00.000 đồng (mười triệu đồng) của bị cáo Bùi Văn T1.

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng và 01 (một) chiếc chiếu kích thước 1,8m x 1,8m.

- Trả: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A02S màu đen (bị nứt vỡ màn hình, không kiểm tra được Model, số IMEI, tại thời điểm giao nhận máy không hoạt động được) cho bị cáo Bùi Văn T1; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu đen (không kiểm tra được Model, số IMEI, tại thời điểm giao nhận máy không hoạt động được) cho bị cáo Mai Trọng Đ1; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh (không kiểm tra được Model, số IMEI, tại thời điểm giao nhận máy không hoạt động được) cho bị cáo Trần Đ.

(Vật chứng được thể hiện tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 31/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B giữa Công an thị xã B và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B; Giấy nộp tiền ngày 31/3/2023 tại Kho bạc Nhà nước thị xã B, tỉnh B và Lệnh kế toán ngày 31/3/2023)

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trần Đ, Mai Trọng Đ1, Bùi Văn T1 và Hồ Sỹ T, mỗi bị cáo phải chịu số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Công an thị xã B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Văn Thị Thanh Trúc**